

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 32/2024/DS - PT

Ngày: 26 - 3 - 2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng  
bảo hiểm"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: ông Phạm Quốc Bảo.

bà Võ Thị Minh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2023/TLPT - DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 272/2023/DS - ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2024/QĐ - PT ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đặng Văn H, sinh năm 1971. Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Văn T, sinh năm 1996 (văn bản ủy quyền 27 tháng 02 năm 2024). Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần B; địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Anh T1, Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 7 năm 2023 (BL 305), gồm:

1. Ông Nguyễn Huy T2, Phó Giám đốc Ban B1;

2. Ông Nguyễn Nhật H1, Chuyên viên pháp lý;

3. Ông Nguyễn Hoàng A, Chuyên viên pháp lý;

Cùng địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Trương Quốc H2, Trưởng phòng Nghiệp vụ của Công ty B2; địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1972; Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Văn T, sinh năm 1996 (văn bản ủy quyền 28 tháng 02 năm 2024). Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam..

- Người kháng cáo: bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B.

Các ông/bà: Tỉnh, Trần Quốc H3, Nguyễn Nhật H1, L có mặt; người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Phía nguyên đơn cho rằng:** tàu cá số hiệu QNa – 91568-TS do ông Đặng Văn H làm chủ sở hữu, được Công ty Cổ phần B2 cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số MHS/01907578 ngày 06 tháng 8 năm 2021, thời hạn bảo hiểm từ ngày 28 tháng 8 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2022. Từ ngày 14 tháng 7 năm 2022, tàu cá QNa – 91568-TS hành nghề câu mực hợp pháp ở vùng biển Việt Nam. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 17 tháng 8 năm 2022, tàu QNa - 91568-TS hành nghề tại tọa độ 14<sup>0</sup>17'N, 112<sup>0</sup>13'E, thuộc Vùng khơi biển Việt Nam (*cách bờ nơi gần nhất khoảng 100 hải lý*), bị tàu vỏ sắt vận tải đâm, khiến tàu QNa – 91568-TS bị chìm và không trục vớt được. Chủ tàu làm thủ tục yêu cầu bồi thường bảo hiểm đúng quy định nhưng ngày 14 tháng 3 năm 2023, ông H nhận được văn bản số 000473/2023 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần B về việc từ chối bồi thường đối với tổn thất chìm tàu QNa - 91568-TS. Nguyên đơn cho rằng tàu cá của nguyên đơn với chiều dài thân tàu và công suất máy theo thiết kế được pháp luật quy định phải khai thác ở vùng khơi, không được phép khai thác ở vùng ven bờ và vùng lộng và Giấy phép khai thác thủy sản của cơ quan có thẩm quyền cấp cho tàu cá của nguyên đơn được phép khai thác ở vùng biển bị chìm. Hơn nữa, khi bán bảo hiểm, phía bị đơn không giải thích cho nguyên đơn biết về điều khoản loại trừ bản hiểm. Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty Cổ phần B thực hiện việc bồi thường tổn thất của tàu QNa - 91568-TS theo hợp đồng bảo hiểm, chi trả số tiền bồi thường là 1.852.500.000 đồng và phải trả tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm (*ngày 09 tháng 3 năm 2023 - ngày B có văn bản từ chối chi trả tiền bảo hiểm*) đến ngày Tòa án xét xử vụ án, theo mức lãi suất 10%/năm, thành tiền 131.218.000 đồng.

- **Phía bị đơn** thông nhất thông tin về hợp đồng bảo hiểm, đối tượng, giá trị, thời hạn bảo hiểm, mức trách nhiệm bảo hiểm, thời điểm, địa điểm, nguyên nhân xảy ra tai nạn chìm tàu, thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm như quan điểm của nguyên đơn trình bày, nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vị trí nơi tàu QNa - 91568-TS chìm thuộc Vùng hạn chế I, ngoài phạm vi hoạt động được cho phép theo quy định ở Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 0001/ĐKTC (*là vùng hạn chế II*) do Trung tâm đăng kiểm tàu cá và quản lý cảng cá tỉnh Quảng Nam cấp vào ngày 21 tháng 6 năm 2022, thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm được quy định tại Điều 5 Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá (*ban hành kèm theo Quyết định số 1454/2020-BM/BHHH ngày 01-7-2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B*), cụ thể là: “5.1.2. Tàu được bảo hiểm hoạt động không đúng vùng hoạt động quy định bởi Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hay quy định khác của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Huỳnh Thị L đồng ý với quan điểm của nguyên đơn.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 272/2023/DS - ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các điều 117, 275, 398, 400, 401, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 12, 13, 14, 15, 18, 28, 29, 30, 32, 40, 46, 47 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ*

sung năm 2010 và năm 2019); Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, *xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn H đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B, về việc: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”; buộc Tổng Công ty Cổ phần B có nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm thân tàu cá số hiệu Qna – 91568- S cho ông Đặng Văn H và bà Huỳnh Thị L theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số MHS/01907578 ngày 06 tháng 8 năm 2021, số tiền 1.852.500.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng) và trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán tiền bảo hiểm là 131.218.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu, hai trăm mười tám ngàn đồng). Tổng cộng 1.983.718.000 đồng (một tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm mười tám ngàn đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chậm trả tiền và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 12 năm 2023, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng: hợp đồng bảo hiểm mà hai bên ký kết ngày 06 tháng 8 năm 2021 hướng tới vùng hoạt động của tàu cá được bảo hiểm là vùng khơi, nhưng sau khi có kết quả đăng kiểm tháng 6 năm 2022, chủ tàu cá QNa – 91568-TS không thông báo cho bên bảo hiểm biết về rủi ro gia tăng của tài sản bảo hiểm (*tàu cá chỉ được hoạt động ở Vùng hạn chế I*), nên thuộc trường hợp vi phạm điểm 8.1, mục 8 Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá (*ban hành kèm theo Quyết định số 1454/2020 – BM/HH ngày 01 tháng 07 năm 2020 của Tổng Công ty Cổ phần B*), nên B từ chối bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: *Tòa án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 272/2023/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

#### **[2]. Xét kháng cáo của bị đơn**

##### **[2.1]. Về thủ tục tố tụng**

Việc kháng cáo của bị đơn được thụ lý trong thời hạn, đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B là hợp pháp.

##### **[2.2]. Về nội dung**

### **[2.2.1]. Về các tình tiết, sự việc không phải chứng minh**

Các đương sự thống nhất về nội dung, hình thức, thời điểm xác lập, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm, đối tượng tài sản bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, mức trách nhiệm bảo hiểm, thời gian, địa điểm, nguyên nhân, hậu quả xảy ra tai nạn khiến tàu QNa – 91568-TS chìm, thiệt hại toàn bộ và thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm. Đây là các tình tiết, sự việc không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và là cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

### **[2.2.2]. Về tình tiết, sự việc mà các bên tranh chấp**

**Thứ nhất**, hợp đồng bảo hiểm tàu cá QNa – 91568-TS số MHS/01907578 ngày 06 tháng 8 năm 2021, là hợp đồng mẫu, do bị đơn cung cấp (BL 35 – 50) không có chữ ký của bên mua bảo hiểm; tại phiên tòa, phía bị đơn khẳng định hai bên không ký hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá lập ngày 06 tháng 8 năm 2021 (BL 36) và Đơn bảo hiểm (BL 54 – 55) thay thế cho hợp đồng bảo hiểm. Kiểm tra hai văn bản này thì hoàn toàn không có chữ ký của bên mua bảo hiểm, không có nội dung thể hiện rõ các điều khoản về loại trừ bảo hiểm. Toàn bộ hồ sơ bảo hiểm do bị đơn cung cấp (BL 51 – 158), nguyên đơn chỉ ký vào Giấy yêu cầu bảo hiểm tàu cá lập ngày 15 tháng 7 năm 2021 (BL 62 – 63), văn bản này lập theo mẫu và chỉ ghi điều khoản loại trừ bổ sung (mục 35, BL 63) không có nội dung liên quan đến căn cứ từ chối bồi thường bảo hiểm mà bị đơn đưa ra (điểm 5.1.2 mục 5 và điểm 8.1 mục 8 Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá). Mặt khác, trong quá trình tố tụng, bên mua bảo hiểm khẳng định không được bên bán bảo hiểm giải thích, hướng dẫn, cung cấp thông tin rõ về điều khoản loại trừ bảo hiểm cũng như không ký kết, thỏa thuận liên quan đến nội dung thông báo rủi ro gia tăng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn khẳng định không cung cấp được chứng cứ chứng minh phía bên mua đã được giải thích rõ về điều khoản loại trừ bảo hiểm.

Điều 13 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định “*Hợp đồng bảo hiểm phải có những nội dung sau:.....(đ) Điều khoản loại trừ bảo hiểm*”; khoản 2 Điều 16 Luật này quy định “*Điều khoản loại trừ bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng...*”;

Đối chiếu các quy định của pháp luật vừa viện dẫn với nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định: không có căn cứ để cho rằng bên mua bảo hiểm đã thỏa thuận, ký kết với bên bán bảo hiểm về các điều khoản loại trừ bảo hiểm tại điểm 5.1.2 mục 5 và nghĩa vụ thông báo rủi ro gia tăng tại điểm 8.1, mục 8 Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá; trước, trong và sau khi xác lập giao dịch bảo hiểm, Tổng Công ty Cổ phần B đã vi phạm các điều kiện bắt buộc phải làm liên quan đến hình thức, nội dung hợp đồng bảo hiểm và trách nhiệm cung cấp thông tin về “*điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*” cho bên mua bảo hiểm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Điều này dẫn đến việc bên mua bảo hiểm không tiếp nhận, không nhận thức rõ và không có tài liệu lưu trữ để biết, thực hiện quyền, nghĩa vụ về các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm (trong đó có điều khoản quy định tại

điểm 5.1.2 mục 5) và điều khoản về trách nhiệm thông báo rủi ro gia tăng (điểm 8.1, mục 8) của Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá (ban hành kèm theo Quyết định số 1454/2020 – BM/HH ngày 01 tháng 7 năm 2020).

**Thứ hai**, điểm 5.1.2 của Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá thể hiện “Tàu được bảo hiểm hoạt động không đúng vùng hoạt động quy định bởi Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá...”. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, vị trí tàu cá bị chìm thuộc vùng hoạt động bởi Giấy phép khai thác thủy sản (BL 05), nhưng không thuộc vùng hoạt động bởi Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (BL 51). Tại phiên tòa, giữa bên mua và bên bán bảo hiểm khẳng định không có thỏa thuận nào khác về việc chọn điều kiện nào trong trường hợp vùng hoạt động của hai loại giấy tờ này khác nhau. Như vậy, trường hợp này được xem là điều khoản không rõ ràng, cần phải giải thích hợp đồng theo quy định tại Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung các năm 2010, 2019).

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ý chí và mục đích xuyên suốt của bên mua và bên bán bảo hiểm hướng tới trong hợp đồng này là để giảm thiểu rủi ro xảy ra khi tàu cá của bên mua hoạt động trên vùng biển thuộc “Vùng khơi”, bên bán chỉ biết được nội dung Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá cấp tháng 6 năm 2022 (xác định vùng hoạt động thuộc Vùng hạn chế II) sau khi sự kiện tàu chìm xảy ra. Theo kết quả cung cấp thông tin của Chi cục Thủy sản Q thì tàu cá QNa – 91568-TS chỉ được phép khai thác ở Vùng khơi, không được phép hoạt động ở vùng ven bờ, vùng lộng (Vùng hạn chế II). Vì vậy, chủ sở hữu tàu cá QNa – 91568- TS hoàn toàn không có mục đích mua bảo hiểm để hạn chế rủi ro xảy ra tại vùng biển mà tàu cá này không được phép hoạt động theo Giấy phép khai thác thủy sản. Mặt khác, tại Giấy yêu cầu bảo hiểm tàu cá theo mẫu do phía bên bán lập, được ông Đặng Văn H ký ngày 15 tháng 7 năm 2021 (BL 62 – 63) thể hiện ở mục thông tin 27 là “Phạm vi hoạt động: Vùng khơi biển Việt Nam”, điều này khẳng định mong muốn của bên mua là để bảo hiểm thân tàu cá khi hoạt động tại Vùng khơi biển Việt Nam – vùng biển mà tàu cá này bị chìm.

Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm”.

Đối chiếu quy định của pháp luật vừa viện dẫn và các lập luận trên, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: bên bán bảo hiểm đã vi phạm điểm d khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 16, khoản 1 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm khi giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm với chủ tàu cá QNa – 91568-TS; bên mua bảo hiểm không biết, không ký kết, thỏa thuận với bên bán về điều khoản loại trừ bảo hiểm và điều khoản thông báo rủi ro gia tăng; vị trí tàu QNa – 91568 TS chìm trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm thuộc vùng biển được Giấy phép khai thác thủy sản cho phép, đúng với vùng biển mà bên bán và bên mua bảo hiểm hướng đến khi giao kết hợp đồng. Theo đó, Hội đồng xét xử xác định Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải bồi thường cho ông Đặng Văn H là phù hợp với sự kiện pháp lý đã xảy ra, đúng pháp luật.

[2.2.3]. Các đương sự thừa nhận tàu cá QNa – 91568-TS bị thiệt hại toàn bộ, không trục vớt được. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận trách nhiệm bồi thường toàn bộ (*sau khi khấu trừ 2,5%*) theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trị giá 1.852.500.000 đồng và không giao xác tàu cho bên bán bảo hiểm là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2.2.4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử giải thích cho phía bị đơn biết quy định tại Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm về thời điểm doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm để xác định tính hợp pháp của yêu cầu tiền lãi chậm trả mà nguyên đơn đưa ra. Đại diện bị đơn xác định không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng khẳng định trong trường hợp pháp luật buộc bị đơn phải bồi thường bảo hiểm thì thống nhất cách tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm, không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại việc tính lãi. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung tính lãi chậm trả của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết, chứng cứ mới làm thay đổi kết quả xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 272/2023/DS - ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

### [2.3]. Về án phí

#### [2.3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 71.264.562 đồng (*bảy mươi một triệu, hai trăm sáu mươi tư ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng*). Hoàn trả cho ông Đặng Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.119.000 đồng (*mười bảy triệu, một trăm mười chín nghìn*) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005405 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

[2.3.2]. **Án phí dân sự phúc thẩm:** do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 117, 275, 398, 400, 401, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 12, 13, 14, 15, 18, 28, 29, 30, 32, 40, 46, 47 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ sung năm 2010 và năm 2019*); Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 272/2023/DS - ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Văn H đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B, về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”; buộc Tổng Công ty Cổ phần B có nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm thân tàu cá số hiệu QNa – 91568-TS cho ông Đặng Văn H và bà Huỳnh Thị L theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số

MHS/01907578 ngày 06 tháng 8 năm 2021 số tiền 1.852.500.000 đồng (một tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi là 131.218.000 (một trăm ba mươi một triệu, hai trăm mười tám nghìn) đồng. Tổng cộng là 1.983.718.000 đồng (một tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **3. Án phí dân sự**

#### **3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 71.511.540 (bảy mươi một triệu, năm trăm mười một nghìn, năm trăm bốn mươi) đồng. Hoàn trả cho ông Đặng Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.119.000 đồng (mười bảy triệu, một trăm mười chín nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005405 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

**3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:** Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Tổng Công ty Cổ phần B (người nộp Truong Quốc H2) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001093 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/3/2023).

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố T;
- THADS thành phố T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Dũng**